TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-4-2022
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Huy Viện

Bà Hoàng Thị Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An không tham gia phiên toà.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2022/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị H, sinh năm 1971;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Xóm Hưng Đ, xã Tây H, thị xã Thái H, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ cư trú hiện nay: Grzybowska 9. Warszawa (Cộng hòa Ba Lan); vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Lưu Văn V, sinh năm 1969;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Xóm Thống Nhất, xã Tây H, thị xã Thái H, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ cư trú hiện nay: KaZubow2 Warszawa (Cộng hòa Ba Lan); vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn Chị Lê Thị H trình bày:

Chị và Anh Lưu Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đã đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tây H, huyện Nghĩa Đàn (nay là thị xã Thái Hoà), tỉnh Nghệ An vào năm 1993. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2002, chị sang Cộng hòa Ba Lan làm ăn, đến năm 2006 thì Anh Lưu Văn V cũng sang Cộng hòa Ba Lan với chị. Tuy nhiên, vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2007 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, xảy ra tranh cãi. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, bất đồng trong quan điểm sống và Anh Lưu Văn V có tình cảm với người phụ nữ khác. Do đó, chị và anh V đã ly thân từ năm 2007 đến nay. Đến ngày 12/3/2022, chị về Việt Nam thăm gia đình và nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Lưu Văn V vì tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Chị và Anh Lưu Văn V có 01 con chung Lưu Văn Nh, sinh ngày 30 tháng 10 năm 1994, đã trưởng thành và có gia đình nên không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lê Thị H đang ở Việt Nam, nhưng do điều kiện công việc, tình hình dịch bệnh đi lại khó khăn nên chị có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị.

Theo bản tự khai, giấy ủy quyền (có chứng nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Ba Lan), bị đơn Anh Lưu Văn V trình bày:

Anh và Chị Lê Thị H đã tìm hiểu nhau một thời gian và tự nguyện đi đến đăng ký kết hôn vào năm 1993, tại Uỷ ban nhân dân xã Tây H, huyện Nghĩa Đàn (nay là thị xã Thái Hoà), tỉnh Nghệ An. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2002, Chị H sang Cộng hòa Ba Lan làm ăn, đến năm 2006 thì anh cũng sang Cộng hòa Ba Lan với chị H. Tuy nhiên, vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2007 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, xảy ra tranh cãi. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, bất đồng trong quan điểm sống và trong khoảng thời gian đó do buồn nên anh đã có tình cảm với người phụ nữ khác. Do đó, Chị Lê Thị H làm đơn xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Lưu Văn Nh, sinh ngày 30 tháng 10 năm 1994, đã trưởng thành và có gia đình nên không phải nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lưu Văn V đang cư trú và làm việc tại Cộng hòa Ba Lan, do dịch bệnh Covid đang diễn biến phức tạp nên anh không thể về Việt Nam để đến Tòa án giải quyết việc ly hôn. Do đó, anh ủy quyền cho anh Lưu Viết T, sinh năm 1976; địa

chỉ cư trú: Xóm Thống Nhất, xã Tây H, thị xã Thái H, tỉnh Nghệ An nộp bản tự khai, giấy ủy quyền, tài liệu và nhận các văn bản của Tòa án. Đồng thời, anh đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung và Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam.

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị H và Anh Lưu Văn V hiện đang cư trú tại nước Cộng Hòa Ba Lan. Ngày 12/3/2022, Chị H về Việt Nam và nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V; trước khi xuất cảnh, Chị H và anh V đều có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục hòa giải: Căn cứ vào khoản 2 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án không tiến hành hòa giải được vì Anh Lưu Văn V không thể tham gia hòa giải được do đang ở nước ngoài.

Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Lê Thị H hiện đang ở Việt Nam; đã nộp đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, tài liệu cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, nhưng do điều kiện công việc, tình hình dịch bệnh đi lại khó khăn nên chị đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh Lưu Văn V hiện đang cư trú tại nước Cộng hòa Ba Lan đã ủy quyền cho anh Lưu Viết T, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Xóm Thống Nhất, xã Tây H, thị xã Thái H, tỉnh Nghệ An nộp bản tự khai, giấy ủy quyền, tài liệu (được hợp pháp hóa lãnh sự, có chứng nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Ba Lan) cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Chị H và anh V phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về các tài liệu và chứng cứ mà các bên đã nộp cho Tòa án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và Anh Lưu Văn V đều trình bày anh chị kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tây H, huyện Nghĩa Đàn (nay là thị xã Thái H), tỉnh Nghệ An vào năm 1993 nhưng do Giấy chứng nhận kết hôn đã thất lạc nên không thể cung cấp cho Tòa án. Nội dung trình bày của Chị H và anh V phù hợp với xác nhận của Ủy

ban nhân dân xã Tây H, thị xã Thái H, tỉnh Nghệ An vào ngày 18/3/2022: Chị Lê Thị H và Anh Lưu Văn V là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tây H, huyện Nghĩa Đàn (nay là thị xã Thái H), tỉnh Nghệ An. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa Chị H và anh Việt là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2002, Chị H sang nước Cộng hòa Ba Lan làm ăn, đến năm 2006 thì anh V cũng sang nước Cộng hòa Ba Lan tiếp tục chung sống với chị H. Tuy nhiên, vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2007 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, xảy ra tranh cãi. Nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, bất đồng trong quan điểm sống. Hiện tại, Chị Lê Thị H và Anh Lưu Văn V đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên Chị H nộp đơn xin ly hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa Chị Lê Thị H và Anh Lưu Văn V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Lê Thị H yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam nên chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Lê Thị H và Anh Lưu Văn V có 01 con chung Lưu Văn Nh, sinh ngày 30 tháng 10 năm 1994, đã trưởng thành nên không phải cấp dưỡng. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị H và Anh Lưu Văn V không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; Điều 122; Điều 123; Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35; Điều 37; Điều 40; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 207; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 469; Điều 478 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của Chị Lê Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và Anh Lưu Văn V được ly hôn.

2. Về con chung: Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011820 ngày 30/3/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Chị Lê Thị H đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết. Anh Lưu Văn V có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Tây H, TX Thái Hòa, NA;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn Quỳnh